

Chương VII. ĐIỀU KIỆN CỤ THỂ CỦA HỢP ĐỒNG

E-ĐKC 1.1	<p>Chủ đầu tư: Công ty Điện lực Đà Nẵng - Chi nhánh Tổng công ty Điện lực miền Trung</p> <p>Địa chỉ: 35 Phan Đình Phùng, Phường Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng</p> <p>Mã số thuế: 0400101394-039</p> <p>Số tài khoản: 116 000 00 88 66 tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng</p> <p>Điện thoại: 0966999456</p> <p>Số Fax:</p> <p>Email: PCDaNang.Qldth@gmail.com</p> <p>Đại diện ủy quyền (nếu có):</p>
E-ĐKC 1.3	<p>Nhà thầu: _____</p> <p>[ghi tên, địa chỉ, số tài khoản, mã số thuế, điện thoại, fax, email của Nhà thầu]</p>
E-ĐKC 1.10	<p>Địa điểm dự án: Địa bàn thành phố Đà Nẵng</p> <p>[Ghi địa điểm dự án]</p>
E-ĐKC 1.11	<p>Ngày hợp đồng có hiệu lực: Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày hai bên ký hợp đồng</p>
E-ĐKC 2.2 (i)	<p>Các tài liệu khác: Không áp dụng</p>
E-ĐKC 4.1	<p>Việc sử dụng tài liệu và thông tin liên quan đến hợp đồng: Không áp dụng.</p>
E-ĐKC 5.1	<p>Các trường hợp khác: Không áp dụng</p>
E-ĐKC 7	<p>Loại hợp đồng: Trọn gói</p>
E-ĐKC 8	<p>Giá hợp đồng bao gồm toàn bộ các chi phí, lãi và bất kỳ khoản thuế nào mà nhà thầu phải nộp.</p> <p>(1) Đối với loại hợp đồng trọn gói: giá hợp đồng là cố định đối với phạm vi công việc nêu trong hợp đồng và điều khoản tham chiếu.</p>
E-ĐKC 10	<p>10.1 Tạm ứng: Không áp dụng</p> <p>10.2. Thanh toán</p> <p>- Phương thức thanh toán: Chuyển khoản.</p> <p><i>Ghi kiểm toán = Min (của Giá hợp đồng so với Quyết toán)</i></p> <p>Trong đó:</p>

	<p>- <i>Ghiệm toán: Giá trị chi phí kiểm toán sau khi quyết toán (sau thuế GTGT)</i></p> <p>- <i>Ghợp đồng: Giá trị chi phí kiểm toán theo hợp đồng đã ký (sau thuế GTGT)</i></p> <p>- <i>Quyết toán = Giá trị đề nghị quyết toán nhân với tỷ lệ định mức chi phí kiểm toán tương ứng theo quy định tại Điều 45 của NĐ 254/2025/NĐ-CP ngày 26/09/2025 (sau thuế GTGT)</i></p> <p>- <i>Nghiệm thu:</i></p> <p>+ <i>Trong vòng 14 ngày kể từ ngày hoàn thành báo cáo kiểm toán, nhà thầu lập hồ sơ nghiệm thu gửi về Bên A theo địa chỉ nêu trong hợp đồng.</i></p> <p>+ <i>Trong vòng 7 ngày kể từ khi nhận được hồ sơ nghiệm thu của nhà thầu, Bên A sẽ có văn bản yêu cầu hiệu chỉnh (nếu có), hoặc ký nghiệm thu theo yêu cầu.</i></p> <p>- <i>Thanh toán: Bên A sẽ thanh toán cho nhà thầu như sau:</i></p> <p>+ <i>Tạm ứng: Không áp dụng.</i></p> <p>+ <i>Chủ đầu tư sẽ thanh toán cho nhà thầu đến 90% giá trị của chi phí kiểm toán sau khi nhà thầu phát hành báo cáo kiểm toán chính thức của dự án.</i></p> <p>+ <i>10% giá trị còn lại sẽ được thanh toán sau khi cơ quan thẩm quyền phê duyệt quyết toán.</i></p> <p>- <i>Hồ sơ thanh toán:</i></p> <p><i>Hồ sơ thanh toán giai đoạn:</i></p> <p>+ <i>Biên bản nghiệm thu theo quy định.</i></p> <p>+ <i>Giấy đề nghị thanh toán khối lượng của nhà thầu.</i></p> <p>+ <i>Hóa đơn thuế GTGT.</i></p> <p><i>Hồ sơ thanh toán hoàn thành:</i></p> <p>+ <i>Giấy đề nghị thanh toán khối lượng của nhà thầu.</i></p> <p>+ <i>Biên bản thanh lý hợp đồng.</i></p> <p>+ <i>Hóa đơn thuế GTGT</i></p> <p><i>Điều chỉnh thuế: Được phép điều chỉnh</i></p> <p><i>Trong quá trình thực hiện hợp đồng, trường hợp tại thời điểm thanh toán nếu chính sách về thuế có sự thay đổi (tăng hoặc giảm) và trong hợp đồng có quy định được điều chỉnh thuế, đồng thời nhà thầu xuất trình được các tài liệu xác</i></p>
--	---

	<i>định rõ số thuế phát sinh thì khoản chênh lệch của chính sách về thuế sẽ được điều chỉnh theo quy định trong hợp đồng</i>
E-ĐKC 11	Bảo hành sản phẩm của dịch vụ: không áp dụng.
E-ĐKC 12	Thời gian thực hiện hợp đồng: 26 tháng
E-ĐKC 13.1	Thời gian bên nhận yêu cầu trả lời yêu cầu sửa đổi hợp đồng của Chủ đầu tư hoặc nhà thầu: 10 ngày
E-ĐKC 13.2 (e)	Các trường hợp khác: Không.
E-ĐKC 14.2	Thời gian nhà thầu thực hiện việc thay thế nhân sự: 7 ngày (Kể từ ngày nhận được yêu cầu thay thế nhân sự của Chủ đầu tư)
E-ĐKC 16.1	Danh sách nhà thầu phụ : Không áp dụng.
E-ĐKC 16.2	Tổng giá trị công việc mà nhà thầu phụ thực hiện không vượt quá: % giá hợp đồng
E-ĐKC 16.4	Yêu cầu khác về nhà thầu phụ : Không áp dụng
E-ĐKC 17	<p>Căn cứ quy mô, tính chất và yêu cầu của gói thầu mà quy định cụ thể nội dung này theo một trong các cách thức sau:</p> <p><i>- Vừa áp dụng phạt vi phạm hợp đồng vừa áp dụng bồi thường thiệt hại.</i></p> <p><i>1. Phạt vi phạm hợp đồng: Áp dụng</i></p> <p>Trường hợp áp dụng phạt vi phạm hợp đồng thì quy định như sau:</p> <p>a) Nhà thầu bị phạt theo mức: 0,5% cho mỗi ngày chậm hoàn thành công việc theo hợp đồng. Tổng số tiền phạt không vượt quá: 84.634.535 VND. Chủ đầu tư có thể khấu trừ khoản tiền phạt từ các khoản thanh toán đến hạn của Nhà thầu.</p> <p>b) Trường hợp Chủ đầu tư chậm thanh toán cho nhà thầu theo quy định tại Mục 10 E-ĐKC thì phải trả lãi cho nhà thầu theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định. Thời gian được tính kể từ ngày đầu tiên chậm thanh toán cho đến ngày Chủ đầu tư thanh toán đầy đủ cho nhà thầu.</p> <p>Quy định chi tiết:</p> <p><i>a) Phạt chậm tiến độ theo mức: phạt 0,5%/ngày của tổng giá trị hợp đồng cho 10 ngày đầu tiên chậm hoàn thành công việc theo hợp đồng yêu cầu, cứ mỗi ngày chậm tiếp theo phạt 0,3%/ngày của tổng giá trị hợp đồng. (10 ngày được tính bao gồm cả ngày thứ Bảy và Chủ nhật, không bao</i></p>

	<p><i>gồm các ngày nghỉ lễ, tết theo quy định).</i></p> <p><i>Tổng số tiền phạt không quá: 08% tổng giá trị hợp đồng.</i></p> <p><i>Nếu chậm quá 30 ngày bên A có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng và thanh toán theo E-ĐKC10</i></p> <p><i>b) Phạt hợp đồng do không đảm bảo chất lượng công việc:</i></p> <p><i>Tư vấn phải trả cho bên bị vi phạm tiền phạt vi phạm hợp đồng và bồi thường về thiệt hại do lỗi chủ quan của Tư vấn, tiền bồi thường thiệt hại bao gồm: i) giá trị tài sản mất mát, hư hỏng; ii) chi phí khắc phục thiệt hại; iii) chi phí để ngăn chặn và hạn chế thiệt hại do vi phạm gây ra; iv) tiền phạt vi phạm hợp đồng và tiền bồi thường thiệt hại mà bên vi phạm phải trả cho bên thứ ba là hậu quả trực tiếp của sự vi phạm này gây ra.</i></p> <p><i>Mức khấu trừ tối đa phần phạt vi phạm hợp đồng: Mức vi phạm được tính 08% giá trị phần nghĩa vụ vi phạm và tổng mức tối đa không quá 08 % tổng giá trị hợp đồng.</i></p> <p><i>c) Phương thức phạt hợp đồng (bao gồm phạt do chậm tiến độ và do không đảm bảo chất lượng công việc)</i></p> <p><i>Bên A sẽ trừ tiền phạt hợp đồng và tiền bồi thường thiệt hại vào giá trị còn lại của hợp đồng chưa thanh toán hoặc yêu cầu của tư vấn thành toán cho bên A phần giá trị tiền phạt vi phạm hợp đồng và tiền bồi thường thiệt hại vượt quá giá trị chưa thanh toán. Trường hợp tư vấn gây thiệt hại cho bên thứ ba thì bên A sẽ trừ tiền bồi thường thiệt hại vào giá trị còn lại của hợp đồng chưa thanh toán của tư vấn để trả cho bên thứ ba, nếu không đủ thì tư vấn có trách nhiệm thanh toán cho bên thứ ba.</i></p> <p><i>d) Trường hợp chủ đầu tư chậm thanh toán cho nhà thầu Tư vấn theo quy định tại E-ĐKC 10 thì phải trả lãi cho nhà thầu tư vấn theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước Việt Nam quy định. Thời gian được tính kể từ ngày đầu tiên chậm thanh toán cho đến ngày Bên A thanh toán đủ cho nhà thầu.</i></p> <p><i>2. Bồi thường thiệt hại: Áp dụng.</i></p> <p><i>Mức đền bù: Bồi thường thiệt hại trên cơ sở toàn bộ thiệt hại thực tế và gián tiếp phát sinh do lỗi, vi phạm của nhà thầu trong quá trình thực hiện hợp đồng.</i></p>
E-ĐKC 19.1	<p>Chấm dứt hợp đồng do sai phạm của nhà thầu:</p> <p><i>Chủ đầu tư có quyền chấm dứt Hợp đồng sau 28 ngày kể từ ngày gửi văn bản chấm dứt Hợp đồng đến nhà thầu, nếu:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhà thầu bị phá sản, giải thể hoặc chuyển nhượng hợp đồng cho người hoặc tổ chức khác mà không có sự chấp thuận của Chủ đầu tư.

	<p>- Nhà thầu từ chối thực hiện công việc theo hợp đồng hoặc năm mươi sáu (56) ngày liên tục không thực hiện công việc theo hợp đồng, dẫn đến vi phạm tiến độ thực hiện theo thỏa thuận hợp đồng, trừ trường hợp được phép của bên giao thầu.</p>
E-ĐKC 20	<p>Chấm dứt hợp đồng do lỗi của Chủ đầu tư: <i>Nhà thầu có quyền chấm dứt Hợp đồng sau 28 ngày kể từ ngày gửi văn bản chấm dứt Hợp đồng đến Chủ đầu tư, nếu:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Chủ đầu tư bị phá sản, giải thể hoặc chuyển nhượng hợp đồng cho người hoặc tổ chức khác mà không có sự chấp thuận của nhà thầu. - Sau năm mươi sáu (56) ngày liên tục công việc bị dừng do lỗi của Chủ đầu tư, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác. - Chủ đầu tư không thanh toán cho nhà thầu sau năm mươi sáu (56) ngày kể từ ngày Chủ đầu tư nhận đủ hồ sơ thanh toán hợp lệ, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác.
E-ĐKC 22.2	<ol style="list-style-type: none"> 1. Thời gian để tiến hành thương lượng: 30 ngày kể từ ngày phát sinh tranh chấp. 2. Giải quyết tranh chấp: Nếu sau 30 ngày hai bên không đạt được thỏa thuận giải quyết thông qua thương lượng, tranh chấp sẽ được đưa ra giải quyết tại Tòa án nhân dân có thẩm quyền tại TP Đà Nẵng theo quy định của pháp luật. 3. Thay đổi thủ tục xử lý tranh chấp: Mọi thay đổi về xét xử tranh chấp phải được hai bên thống nhất bằng văn bản trước khi tiến hành xử lý tranh chấp. 4. Nhà thầu có thời hạn 56 ngày (kể từ ngày chủ đầu tư có văn bản gửi nhà thầu thông báo quyết định xử lý vi phạm, đơn phương chấm dứt hợp đồng) để thực hiện quyền phản đối, khiếu nại việc chủ đầu tư xử lý vi phạm, đơn phương chấm dứt hợp đồng. Hết thời hạn này, nếu nhà thầu không có văn bản phản đối thì các quyết định xử lý vi phạm của chủ đầu tư sẽ là căn cứ để đánh giá năng lực kinh nghiệm và uy tín nhà thầu trong các gói thầu tương tự, trừ trường hợp nội dung phản đối đã được tòa án hoặc trong tài thụ lý giải quyết theo quy định pháp luật về tố tụng.
E-ĐKC 23.1	<p>Địa chỉ để hai bên thông báo cho nhau những thông tin theo quy định: Tên Chủ đầu tư: Công ty Điện lực Đà Nẵng - Chi nhánh</p>

	<p>Tổng công ty Điện lực miền Trung</p> <ul style="list-style-type: none">- Địa chỉ liên lạc của Chủ đầu tư: 35 Phan Đình Phùng, Phường Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng <p>Điện thoại: 0966999456</p> <p>Fax:</p> <p>E-mail: PCDaNang.Qldth@gmail.com</p> <ul style="list-style-type: none">- Địa chỉ liên lạc của nhà thầu: <p>Điện thoại:</p> <p>Fax:</p> <p>E-mail:</p>
--	--